

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 13/QĐ-BNN-TCTS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG BỐ MÃ HS ĐỐI VỚI CÁC DANH MỤC QUẢN LÝ HÀNG HÓA CHUYÊN NGÀNH
THỦY SẢN TẠI VIỆT NAM**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 57/2008/QĐ-BNN ngày 02/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục giống thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 38/2008/QĐ-BNN ngày 28/2/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục áp mã HS hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyên ngành thủy sản;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mã HS đối với các Danh mục quản lý hàng hóa chuyên ngành thủy sản (các Phụ lục kèm theo):

- Danh mục thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản (Phụ lục 1).
- Danh mục sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản nhập khẩu có điều kiện (Phụ lục 2).
- Danh mục chế phẩm sinh học, hóa chất, chất cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (Phụ lục 3).
- Danh mục các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện (Phụ lục 4).
- Danh mục giống thủy sản được phép nhập khẩu thông thường (Danh mục giống thủy sản được phép sản xuất kinh doanh) (Phụ lục 5).
- Danh mục các loài thủy sản sống được phép nhập khẩu làm thực phẩm (Phụ lục 6).
- Danh mục các loài thủy sản cấm xuất khẩu (Phụ lục 7).

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng Danh mục như sau:

Danh mục này được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam và Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu. Nguyên tắc sử dụng danh mục này như sau:

1. Các trường hợp chỉ liệt kê mã 4 số thì toàn bộ các mã 8 số thuộc nhóm 4 số này đều thuộc Danh mục.
2. Các trường hợp chỉ liệt kê mã 6 số thì toàn bộ các mã 8 số thuộc phân nhóm 6 số này đều thuộc Danh mục.
3. Các trường hợp liệt kê chi tiết đến mã 8 số thì chỉ những mã 8 số đó mới thuộc Danh mục.

Điều 3. Hiệu lực thi hành:

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Hải quan;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Website Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, TCTS.

Cao Đức Phát